TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Siu Lanh

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đức Thại
2. Bà Phan Thị Nhàn

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Trần Thị Hợi, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên toà:* bà Đỗ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về "tranh chấp Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị NT, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Bôn N, xã R, thị xã AP, tỉnh GL. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh NQ, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Bôn N, xã R, thị xã AP, tỉnh GL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2019, các lời khai tại Tòa án và lời trình bày tại phiên toà nguyên đơn chị NT trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Về hôn nhân:

Chị T và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND phường Sông Bờ, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian gần đây anh Q ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ tiền người khác, chị T cũng đã nhiều lần trả nợ cho anh Q nhưng anh Q vẫn chứng nào tật ấy không từ bỏ việc chơi cờ bạc, vì thế vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gia đình cũng đã khuyên răn nhiều lần nhưng anh Q vẫn ham chơi không từ bỏ. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc nhau, anh Q đã chuyển ra sống riêng,

nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

+ Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung tên là NT, sinh năm 18/7/2008 và cháu NQ, sinh ngày 06/01/2011. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi 02 con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản khai ngày 16/4/2019 và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/7/2019 anh Q đồng ý ly hôn với chị T, về con cái và tài sản như chị T đề nghị.

- Ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng trong vụ án và Tòa án ban hành thông báo thụ lý vụ án, gửi thông báo cũng như tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, thu nhập chứng cứ cũng như tống đạt văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định. Việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị T được ly hôn với anh Q.

+ Về con chung: Giao cháu NT, sinh ngày 18/7/2008 và cháu NQ, sinh ngày 06/01/2011 cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi con chưa thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền: Chị T và anh Q có nơi cư trú là Bôn Phu Ma Nhe II, xã Ia Rtô, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai nên Toà án nhân dân thị xã Ayun Pa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Q vắng mặt tại phiên toà nhưng anh Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[3] Về nội dung vụ án: Chị T và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Sông Bờ, thị xã Ayun Pa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2008, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận. Qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì chị T và anh Q mâu thuẫn là có thật. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây anh Q ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ tiền người khác, chị T cũng đã nhiều lần trả nợ cho anh Q nhưng anh quý vẫn chứng nào tật ấy không từ bỏ việc chơi cờ bạc được, vì thế vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gia đình cũng đã khuyên răn nhiều lần nhưng anh Q vẫn ham chơi không từ bỏ. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc nhau, anh Q đã chuyển ra sống riêng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Q. Về phía anh Q cũng đồng ý ly hôn với chị Thư, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng nhưng tại các phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa anh Q đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ, anh Q cố tình bỏ mặc, không muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, không quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung tên là NT, sinh năm 18/7/2008 và cháu NQ, sinh ngày 06/01/2011. Cháu K và cháu Q hiện đang sống với chị T, nguyện vọng của chị T là được nuôi cháu K và cháu Q và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu K và cháu Q từ khi còn nhỏ cho đến nay đều do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu T bị khuyết tật, cần có mẹ chăm sóc, chị T là giáo viên có nghề nghiệp thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc hai con, anh Q không có việc làm ổn định nên không đảm bảo điều kiện tốt để nuôi con. Nguyện vọng của cháu Q được ở với chị T. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao hai con chung cháu T, sinh năm 18/7/2008 và cháu Q, sinh ngày 06/01/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T và cháu Q trưởng thành và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh Q.

2. Về con chung: Giao cháu T, sinh ngày 18/7/2008 và cháu Q, sinh ngày 06/01/2011 cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi con chưa thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001951 ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

5. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/7/2019), anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
-VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THADS thị xã AyunPa;
- PGĐKT Toà án tỉnh;
- Uỷ ban nhân dân phường Sông Bờ
- Lưu hồ sơ vụ án;

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Siu Lanh

HỘI ĐỒNG XÉT XƯ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đức Thại Phan Thị Nhàn Siu Lanh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THADS thị xã AyunPa;
- PGĐKT Toà án tỉnh;
- Uỷ ban nhân dân phường Sông Bờ
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Siu Lanh

HỘI ĐỒNG XÉT XƯ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đức Thại Phan Thị Nhàn Siu Lanh

HỘI ĐỒNG XÉT XƯ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Đức Thại	**Phan Thị Nhàn**	**Lê Đình Nam**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THADS thị xã AyunPa;
- PGĐKT Toà án tỉnh;
- Uỷ ban nhân dân xã Ia Sao
- Lưu hồsơ vụ án;
- Lưu cơ quan;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Siu Lanh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THADS thị xã AyunPa;
- PGĐKT Toà án tỉnh;
- Lưu hồsơ vụ án;
- Lưu cơ quan;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Siu Lanh

HỘI ĐỒNG XÉT XƯ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**

NGUYỄN VĂN TRUNG **KSOR THIÊN**

Lê Đình Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XƯ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**

NGUYỄN THỊ NGA TRẦN VĂN CÔNG LÊ ĐÌNH NAM

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THADS thị xã AyunPa;
- PGĐKT Toà án tỉnh;
- Lưu hồsơ vụ án;
- Lưu cơ quan;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Bùi Đức Ruyệt

HĐXX xét thấy tại phiên toà hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, song Bị đơn anh Nguyễn Trung Tâm vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên phiên toà vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà hôm nay chị Đậu Thị Nga yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung Tâm.

Xét thấy, hôn nhân giữa anh Nguyễn Trung Tâm và chị Đậu Thị Nga đã thật sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Đậu Thị Nga với Nguyễn Trung Tâm phù hợp với Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và Gia đình.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

MAI VĂN DUYÊN TRẦN NGUYỄN BẢO CHÂU LÊ ĐÌNH NAM

- Áp dụng: khoản 1 Điều 27, khoản 4 Điều 131; 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng : Các Điều 36, 50, 53, 54, 56, 85, 89, 90, 92, 93, 94 Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Lệ Huyền và anh Tạ Chí Đường.

2. *Về con chung*: Giao 01 con chung là cháu Tạ Thị Mai Thy, sinh ngày 05/06/2011 cho chị Mai Thị Lệ Huyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Tạ Chí Đường đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là .....**đ**/tháng, chị Huyền là người trực tiếp nhận số tiền này. Việc trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con được tính từ hôm nay (18/11/2011), cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức

lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự.

Anh Tạ Chí Đường được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. *Về án phí*: Chị Mai Thị Lệ Huyền tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn: 100.000đ x 2người = 200.000đ. Nhưng số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Mai Thị Lệ Huyền đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0013136 ngày 03/10/2011 của cơ quan Thi hành án thị xã Ayun Pa, Gia Lai. Chị Mai Thị Lệ Huyền đã nộp đủ.

Buộc anh Tạ Chí Đường phải chịu: 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

4-*Quyền kháng cáo*:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5-*Quyền yêu cầu thi hành án*:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân — Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Ksor Thiên — Nguyễn Đức Thại — Siu Lanh

\